

Tên: Lớp: Trường Tiểu học Lam Sơn	ÔN TẬP TIẾNG VIỆT LỚP 3 - TUẦN 4 Chủ điểm: MÁI TRƯỜNG MẾN YÊU Luyện tập về từ chỉ sự vật, đặc điểm. Luyện tập câu kể
---	---

I. Luyện đọc văn bản sau:

Ngon đèn vĩnh cửu



Hồi nhỏ, Ngô Thị Sĩ rất thích được đến trường học cùng các bạn. Nhà nghèo, không có tiền đi học. Những lúc rỗi việc, Sĩ thường đứng ngoài cửa lớp xem các bạn học bài.

Khao khát học tập, ngày ngày, Sĩ mượn sách của các bạn, đến đêm ngồi chép lại. Không có đèn dầu thắp, Sĩ phải đốt lửa lấy ánh sáng mà học. Những đêm trăng sáng, Sĩ viết bài, đọc sách dưới ánh trăng.

Biết nhà Sĩ nghèo, lại mượn sách để chép bài vào ban đêm, các bạn hỏi Sĩ lấy đèn đâu mà học. Sĩ chỉ tay lên mặt trăng, tươi cười nói:

- Mình có ngọn đèn lớn, ngọn đèn vĩnh cửu ở trên bầu trời kia kìa!

(Sưu tầm)

II. Dựa vào nội dung bài đọc, em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất ở câu 1, 2, 3, 4, 5, 6 và hoàn thành tiếp các câu còn lại:

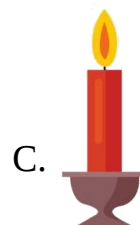
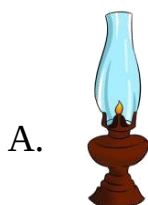
Câu 1. Vì sao ngày nhỏ Ngô Thị Sĩ không đến trường?

- A. Vì nhà Sĩ nghèo, không có tiền đi học.
- B. Vì trường học ở xa nhà cậu.
- C. Vì bố mẹ Sĩ không muốn cậu đi học.

Câu 2. Để được học, Sĩ đã làm gì?

- A. Đi làm kiếm tiền đi học.
- B. Mượn sách vở của bạn để chép bài.
- C. Đứng ngoài cửa lớp nghe giảng và mượn vở chép bài.

Câu 3. Ngọn đèn vĩnh cửu” của Sĩ là gì?



Câu 4. Em học tập được điều gì ở Sĩ?

- A. Em học tập ở Sĩ đức tính chăm chỉ, hiền lành.
- B. Em học tập ở Sĩ sự tự tin trong học tập.
- C. Em học tập ở Sĩ đức tính chăm chỉ, chịu khó và ham học hỏi.

Câu 5. Dòng có các từ ngữ chỉ sự vật trong bài “Ngọn đèn vĩnh cửu” là:

- A. Trường học, ngọn đèn, ánh trăng, sách.
- B. Mặt trăng, ban đêm, các bạn, vĩnh cửu.
- C. Viết bài, học tập, đốt lửa, đọc sách.

Câu 6. Dòng có các từ ngữ chỉ đặc điểm trong bài “Ngọn đèn vĩnh cửu” là:

- A. Bầu trời, ngọn đèn, ánh trăng, sách.
- B. Sáng, lớn, nghèo, vĩnh cửu.
- C. Viết bài, học tập, đốt lửa, đọc sách.

Câu 7. Câu in nghiêng dưới đây thuộc mẫu câu gì?

Quyển vở của em thơm mùi giấy mới.

- A. Ai là gì?
- B. Ai làm gì?
- C. Ai thế nào?

Câu 8. Trong câu in nghiêng dưới đây, từ ngữ nào trả lời cho câu hỏi *Khi nào?*

Tháng Sáu, học sinh được nghỉ hè.

- A. Tháng Sáu
- B. Học sinh
- C. Được nghỉ hè

Câu 9. Trong câu in nghiêng dưới đây, từ ngữ nào trả lời cho câu hỏi *Ở đâu?*

Em ngồi đọc sách ở thư viện.

- A. Em
- B. Ngồi đọc sách
- C. Ở thư viện

Câu 10. Trong câu in nghiêng dưới đây, từ ngữ nào trả lời cho câu hỏi *Vì sao?*

Em không được bơi ở đoạn sông này vì có nước xoáy.

- A. Em
- B. Không được bơi ở đoạn sông này
- C. Vì có nước xoáy

ĐÁP ÁN TIẾNG VIỆT LỚP 3 - TUẦN 4

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
A	C	B	C	A	B	C	A	C	C